

Công khai thông tin về đội ngũ giảng viên cơ hữu của Trường năm học 2018-2019

[illegible]

STT	Nội dung	Tổng Số	Chức danh		Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp		
			Giáo sư	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng	Trình độ khác	Hạng III	Hạng II	Hạng I
g	Khối ngành VII	39	02	01	02	31	03					
	Ngành Ngôn ngữ Anh	15	01			14						
	Ngành Du lịch	12		01	02	8	01					
	Ngành Đông phương học	12	01			9	02					
2	Giảng viên cơ hữu môn chung	0	0	0	0	0	0					

B. Công khai thông tin về danh sách chi tiết đội ngũ giảng viên cơ hữu theo khối ngành

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành giảng dạy
1	Khối ngành I	0				
2	Khối ngành II	0				
3	Khối ngành III	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành giảng dạy
1	Lê Thị Hiệp Thương	1955	Nữ	GV	TS	Kế toán
2	Nguyễn Hữu Quy	1980	Nam	TK	ThS	Kế toán
3	Đinh Văn Hương	1976	Nam	TP	ThS	Kế toán
4	Mai Văn Tới	1982	Nam	GV	ThS	Kế toán
5	Đinh Thị Kim Tuyền	1974	Nữ	GV	ThS	Kế toán
6	Đỗ Thị Tuyết Khương	1989	Nữ	GV	ThS	Kế toán

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành giảng dạy
7	Huỳnh Thị Phương Anh	1986	Nữ	GV	ThS	Kế toán
8	Lương Thị Kim Duyên	1980	Nữ	GV	ThS	Kế toán
9	Đinh Thị Hải Yến	1986	Nữ	GV	ThS	Kế toán
10	Lê Thị Ngọc Thiện	1985	Nữ	GV	ThS	Kế toán
11	Lê Hữu Bằng	1982	Nam	GV	ThS	Kế toán
12	Trần Tâm Anh	1991	Nữ	GV	ThS	Kế toán
13	Nguyễn Thị Thùy Linh	1995	Nữ	GV	ĐH	Kế toán
14	Trần Quang Toàn	1945	Nam	GV	TS	Tài chính ngân hàng
15	Nguyễn Thanh Vân	1950	Nam	GV	TS	Tài chính ngân hàng
16	Châu Văn Luận	1953	Nam	GV	TS	Tài chính ngân hàng
17	Nguyễn Thanh Toại	1953	Nam	GV	TS	Tài chính ngân hàng
18	Lê Hữu	1957	Nam	GV	ThS	Tài chính ngân hàng
19	Hoàng Hùng	1977	Nam	GV	ThS	Tài chính ngân hàng
20	Nguyễn Huỳnh Kim Ngân	1985	Nữ	GV	ThS	Tài chính ngân hàng
21	Trần Thái Trúc Lam	1984	Nữ	GV	ThS	Tài chính ngân hàng
22	Lê Minh Nhất	1978	Nam	GV	ThS	Tài chính ngân hàng
23	Trương Thái Dương	1981	Nam	GV	ThS	Tài chính ngân hàng
24	Ngô Hường	1953	Nam	GV	PGS.TS	Quản trị kinh doanh
25	Đỗ Văn Ninh	1953	Nam	PHT	TS	Quản trị kinh doanh
26	Phạm Văn Hải	1978	Nam	PHT	ThS	Quản trị kinh doanh
27	Huỳnh Luân Tín	1978	Nam	GV	ThS	Quản trị kinh doanh
28	Nguyễn Thị Xuân Hương	1981	Nữ	GV	ThS	Quản trị kinh doanh

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành giảng dạy
29	Bùi Tấn Tài	1973	Nam	CT HĐQT	ThS	Quản trị kinh doanh
30	Lê Thị Thanh Vân	1976	Nữ	GV	ThS	Quản trị kinh doanh
31	Bùi Hồng Sơn	1978	Nam	GV	ThS	Quản trị kinh doanh
32	Nguyễn Thái Hoàng	1983	Nam	PGĐ	ThS	Quản trị kinh doanh
33	Phạm Thị Vân	1988	Nữ	TG	ThS	Quản trị kinh doanh
34	Nguyễn Đức Công	1981	Nam	GV	ThS	Quản trị kinh doanh
35	Nguyễn Minh Thành	1991	Nam	GV	ThS	Quản trị kinh doanh
36	Đào Huy Nhật	1988	Nam	GV	ThS	Quản trị kinh doanh
37	Đặng Xuân Chinh	1988	Nam	GV	ThS	Quản trị kinh doanh
38	Lê Thị Ngọc Hân	1977	Nữ	GV	ThS	Quản trị kinh doanh
39	Phạm Bá Thanh	1980	Nam	GV	ThS	Quản trị kinh doanh
40	Nguyễn Đức Thanh	1982	Nam	GV	ThS	Quản trị kinh doanh
41	Ngô Trí Tâm	1987	Nam	GV	ThS	Quản trị kinh doanh
42	Trần Thanh Tuấn	1975	Nam	GV	ThS	Quản trị kinh doanh
43	Nguyễn Thị Mai Hiền	1976	Nữ	GV	ThS	Quản trị kinh doanh
44	Nguyễn Văn Mạnh	1952	Nam	GV	PGS.TS	Luật
45	Nguyễn Nam Hà	1954	Nam	TK	TS	Luật
46	Đặng Văn Khanh	1953	Nam	GV	TS	Luật
47	Trương Tiến Hưng	1963	Nam	GV	TS	Luật
48	Trần Nam Trung	1978	Nam	GV	TS	Luật
49	Dương Quốc Cường	1978	Nam	GV	TS	Luật
50	Đặng Ngọc Hoàng	1955	Nam	GV	ThS	Luật

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành giảng dạy
51	Lê Thị Kiều Duyên	1982	Nữ	GV	ThS	Luật
52	Ngô Văn Tăng Phước	1974	Nam	GV	ThS	Luật
53	Nguyễn Dạ Thảo	1988	Nữ	GV	ThS	Luật
54	Lê Anh Vân	1982	Nam	GV	ThS	Luật
55	Trịnh Thị Tuyết Nhung	1991	Nữ	GV	ThS	Luật
56	Nguyễn Thị Thanh Thủy	1976	Nữ	GV	ThS	Luật
57	Nguyễn Trung Nghĩa	1982	Nam	GV	ThS	Luật
58	Vũ Như Hào	1978	Nam	GV	ThS	Luật
59	Hồ Việt Cường	1975	Nam	GV	ThS	Luật
60	Phan Thanh Tùng	1975	Nam	GV	ThS	Luật
61	Nguyễn Sỹ Anh	1993	Nam	GV	ThS	Luật
62	Nguyễn Thị Khánh Linh	1984	Nữ	GV	ThS	Luật
63	Nguyễn Thái Bình	1977	Nam	GV	ThS	Luật
64	Võ Minh Sang	1981	Nam	GV	ThS	Luật
65	Phạm Trần Nhật Thảo	1987	Nữ	GV	ThS	Luật
66	Y Hưng Niê	1987	Nam	GV	ThS	Luật
67	Phạm Hồng Phúc	1983	Nam	GV	ThS	Luật
68	Thái Thị Lệ Phượng	1982	Nữ	GV	ThS	Luật
69	Huỳnh Tấn Thức	1976	Nam	GV	ThS	Luật
70	Đặng Thanh Hải	1978	Nam	GV	ThS	Luật
71	Huỳnh Võ Thùy Dương	1989	Nữ	GV	ThS	Luật
72	Nguyễn Thị Khánh Duy	1979	Nữ	GV	ThS	Luật

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành giảng dạy
73	Huỳnh Tấn Đạt	1965	Nam	GV	ThS	Luật
74	Đỗ Hà Thuận An	1981	Nữ	GV	ThS	Luật
75	Nguyễn Thị Liên Hương	1978	Nữ	GV	ThS	Luật
4	Khối ngành IV	0				
5	Khối ngành V					
76	Huỳnh Văn Nam	1966	Nam	GV	PGS.TS	Công nghệ thông tin
77	Quách Đình Liên	1945	Nam	HT	PGS.TS	Công nghệ thông tin
78	Nguyễn Văn Ba	1950	Nam	PHT	PGS.TS	Công nghệ thông tin
79	Nguyễn Tư Nguyên	1953	Nam	GV	TS	Công nghệ thông tin
80	Đỗ Bá Khang	1955	Nam	GV	TS	Công nghệ thông tin
81	Lê Trung Tín	1979	Nam	GV	ThS	Công nghệ thông tin
82	Lê Hữu Tuấn	1981	Nam	GV	ThS	Công nghệ thông tin
83	Nguyễn Đăng Bắc	1982	Nam	TK	ThS	Công nghệ thông tin
84	Lê Trung Nghĩa	1982	Nam	GV	ThS	Công nghệ thông tin
85	Trần Ngọc Sơn	1987	Nam	GV	ThS	Công nghệ thông tin
86	Lê Thiện Phương	1984	Nam	GV	ThS	Công nghệ thông tin
87	Nguyễn Thành Phú	1989	Nam	GV	ThS	Công nghệ thông tin
88	Phạm Xuân Bình	1985	Nam	GV	ThS	Công nghệ thông tin
89	Nguyễn Bá Ngọc Hân	1980	Nữ	GV	ThS	Công nghệ thông tin
90	Đỗ Sỹ Cường	1960	Nam	GV	ThS	Công nghệ thông tin
91	Lê Nguyễn Xuân Sinh	1985	Nam	GV	ThS	Công nghệ thông tin
92	Nguyễn Thị Thảo	1982	Nữ	GV	ĐH	Công nghệ thông tin

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành giảng dạy
6	Khối ngành VI	0				
7	Khối ngành VII					
93	Nguyễn Lai	1930	Nam	GV	GS.TSKH	Ngôn ngữ Anh
94	Trần Ngọc Diên Khánh	1979	Nam	TBM	ThS	Ngôn ngữ Anh
95	Nguyễn Thị Hồng Phương	1988	Nữ	GV	ThS	Ngôn ngữ Anh
96	Dương Thị Lan Hương	1988	Nữ	GV	ThS	Ngôn ngữ Anh
97	Đoàn Thị Thu Hà	1987	Nữ	GV	ThS	Ngôn ngữ Anh
98	Nguyễn Thúc Trí	1968	Nam	GV	ThS	Ngôn ngữ Anh
99	Nguyễn Trần Hoài Phương	1987	Nữ	GV	ThS	Ngôn ngữ Anh
100	Nguyễn Thị Thư	1978	Nữ	GV	ThS	Ngôn ngữ Anh
101	Nguyễn Thị Uyên	1956	Nữ	GV	ThS	Ngôn ngữ Anh
102	Nguyễn Thị Kiệp	1957	Nữ	GV	ThS	Ngôn ngữ Anh
103	Nguyễn Hữu Thanh Sơn	1972	Nam	GV	ThS	Ngôn ngữ Anh
104	Nguyễn Lê Kim Khánh	1991	Nữ	GV	ThS	Ngôn ngữ Anh
105	Ngô Hà Giang	1993	Nam	GV	ThS	Ngôn ngữ Anh
106	Mai Thị Cẩm Huyền	1973	Nữ	GV	ThS	Ngôn ngữ Anh
107	Hà Thảo Ly	1991	Nữ	GV	ThS	Ngôn ngữ Anh
108	Nguyễn Văn Khang	1951	Nam	GV	GS.TS	Đông Phương học
109	Bùi Thạch Lam	1981	Nữ	GV	ThS	Đông Phương học
110	Bùi Hùng Mạnh	1981	Nam	GV	ThS	Đông Phương học
111	Hồ Thị Thùy Vân	1991	Nữ	GV	ThS	Đông Phương học

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành giảng dạy
112	Trương Thị Thu Hương	1954	Nữ	GV	ThS	Đông Phương học
113	Trương Thị Hồng Hạnh	1977	Nữ	GV	ThS	Đông Phương học
114	Kiều Xuân Mai	1971	Nam	GV	ThS	Đông Phương học
115	Nguyễn Thị Diễm Thúy	1973	Nữ	GV	ThS	Đông Phương học
116	Park Jong Ryul	1949	Nam	GV	ThS	Đông Phương học
117	Lê Bá Thông	1981	Nam	GV	ThS	Đông Phương học
118	Park Eui Rom	1980	Nam	GV	ĐH	Đông Phương học
119	Vũ Thị Vân Anh	1996	Nữ	GV	ĐH	Đông Phương học
120	Mai Thị Kiều Phương	1966	Nữ	TBM	PGS.TS	Du lịch
121	Bùi Trần Phương	1950	Nữ	GV	TS	Du lịch
122	Nguyễn Thị Từ Huy	1972	Nữ	GV	TS	Du lịch
123	Đoàn Thị Thu Thương	1988	Nữ	GV	ThS	Du lịch
124	Nguyễn Quốc Tiến	1985	Nam	TBM	ThS	Du lịch
125	Đào Thị Huệ	1990	Nữ	GV	ThS	Du lịch
126	Nguyễn Trần Bảo Trinh	1991	Nữ	GV	ThS	Du lịch
127	Phạm Thị Đỗ Ngân	1983	Nữ	GV	ThS	Du lịch
128	Lê Minh Toàn	1989	Nam	GV	ThS	Du lịch
129	Trịnh Thị Nhạn	1991	Nữ	GV	ThS	Du lịch
130	Trương Võ Quốc Việt	1988	Nam	GV	ThS	Du lịch
131	Lê Thị Lan Hương	1985	Nữ	GV	ĐH	Du lịch

C. Công khai tỷ lệ sinh viên/giảng viên quy đổi

II	Khối ngành	Tỷ lệ Sinh viên/Giảng viên cơ hữu quy đổi
1	Khối ngành I	0
2	Khối ngành II	0
3	Khối ngành III	9,54
4	Khối ngành IV	0
5	Khối ngành V	3,76
6	Khối ngành VI	0
7	Khối ngành VII	8,43

Khánh Hòa, ngày 21 tháng 02 năm 2020

HIỆU TRƯỞNG



TS. Hồ Đắc Túc

